

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG THANH LÝ TÀI SẢN
ASSET LIQUIDATION CONTRACT

Số Hợp đồng/Contract no.: FH-FL.20250125-01

Hôm nay, ngày 25 tháng 01 năm 2025, Các Bên tham gia trong Hợp đồng gồm có:
 Today, on January 25th, 2025, the Parties of this Contract include:

Bên A :CÔNG TY TNHH FUHONG PRECISION COMPONENT (BẮC GIANG)

Party A: Fuhong Precision Component (Bac Giang) Company Limited

Tên giao dịch bằng tiếng Anh/Trading name in English: Fuhong Precision Component (Bac Giang) Company Limited

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Trám, Phường Nèn, Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
 Address: Dinh Tram Industrial Zone, Nenh Ward, Viet Yen Town, Bac Giang Province, Vietnam

Địa chỉ bằng tiếng Anh/Address in English: Dinh Tram Industrial Zone, Nenh Ward, Viet Yen Town, Bac Giang Province, Vietnam

Mã số thuế/Tax code: 2400373024

Người đại diện/Representative: CHUANG, TZU-YI

Chức vụ /Position: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc/Chairman and General Director

(Theo / số: /, ngày: /)

(According to /no. /signed /)

Người liên lạc/Person contact: Nguyễn Anh Ngọc

Chức vụ/Position: nhân viên/ staff

Số điện thoại/Tel.: 0854481369 Số máy lẻ/Ext: 53530287

Email: /

Bên B :CÔNG TY TNHH PRECISION TECHNOLOGY COMPONENT FULIAN

Party B: FULIAN PRECISION TECHNOLOGY COMPONENT COMPANY LIMITED

Tên giao dịch bằng tiếng Anh/Trading name in English: FULIAN PRECISION TECHNOLOGY COMPONENT COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Quang Châu, Phường Quang Châu, Thị xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Address: Lot CN1, Quang Chau Industrial Zone, Quang Chau Ward, Viet Yen Town, Bac Giang Province, Vietnam

Địa chỉ bằng tiếng Anh/Address in English: Lot CN1, Quang Chau Industrial Zone, Quang Chau Ward, Viet Yen Town, Bac Giang Province, Vietnam

Mã số thuế/Tax code: 2400952127

Người đại diện/Representative: SHANG, HSIAO-CHENG

Chức vụ /Position: Giám đốc Xuất nhập khẩu/ Director of Import and Export

(Theo Giấy Ủy Quyền số: 02/2025/FL-UQ, ngày: 01/01/2025)

(According to Power Of Attorney no. 02/2025/FL-UQ signed January 01st, 2025)

Người liên lạc/Person contact: /

Chức vụ/Position: /

Số điện thoại/Tel.: / Số máy lẻ/Ext: /

Email: /

LISM

1/10



Sau khi bàn bạc, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng thanh lý tài sản (dưới đây gọi tắt là "Hợp đồng") để thống nhất về việc thanh lý máy móc, thiết bị với các nội dung, điều khoản như sau:

Upon discussion, the Parties agree to sign the Asset Liquidation Contract (hereinafter referred to as "the Contract") to liquidate machine and equipment with terms and conditions as follows:

Article 1. Đối tượng của Hợp đồng/Object of the Contract

1.1 Bên A phải căn cứ vào quy định của Hợp đồng này thanh lý và bàn giao cho Bên B các máy móc, thiết bị (sau đây gọi tắt là "Thiết bị"), thông tin chi tiết theo hàng dưới đây:

Party A must base on provisions of this Contract to liquidate and hand over machines and equipments to Party B (hereinafter referred to as "Equipment"), detail information of Equipment as table follows:

ST T NO	Tên Thiết bị Equipment name	Quy cách Specifications	Xuất xứ C/O	Năm sản xuất MF T date	Số lượng Q'ty	Đơn giá Unit price	Thành tiền Amount	Số Tờ khai hải quan nhập khẩu ban đầu Initial customs declaration no.	Mục từ khai Item in declarat ion
1	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-JRB-BF T	Chin a	202 3	4Chiếc/P CS	2.494.2 96	9.977.18 4	105677358 400	8
2	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-AFT	Chin a	202 3	7 Chiếc/ PCS	2.748.8 16	19.241.7 12	105677358 400	16
3	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	M2-Radar	Chin a	202 3	9 Chiếc/ PCS	3.512.3 76	31.611.3 84	105677358 400	11
4	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-ARF	Chin a	202 3	7 Chiếc/ PCS	2.061.6 12	14.431.2 84	105677358 400	18
5	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-AUT	Chin a	202 3	4 Chiếc/PC S	6.032.1 24	24.128.4 96	105677358 400	20
6	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-ALT	Chin a	202 3	1 Chiếc/ PCS	2.163.4 20	2.163.42 0	105677358 400	2
7	Thiết bị	Gd-ADL	Chin	202	14 Chiếc/	1.781.6	24.942.9	105677358	21



	hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture		a	3	PCS	40	60	400	
8	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-RMS	Chín a	2023	3 Chiếc/PCS	2.087.064	6.261.192	105474337140	16
9	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	M2-LBT	Chín a	2023	5 Chiếc/PCS	3.283.308	16.416.540	105677358400	22
10	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	M2-PWT	Chín a	2023	14 Chiếc/PCS	3.308.760	46.322.640	105677358400	24
11	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	M2-SB BFT	Chín a	2023	4 Chiếc/PCS	2.494.296	9.977.184	105677358400	6
12	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-MB BRF	Chín a	2022	10 Chiếc/PCS	2.214.324	22.143.240	105196599320	5
13	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	M2-Provision	Chín a	2023	6 Chiếc/PCS	3.436.020	20.616.120	105677358400	10
14	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-MB BDL	Chín a	2022	4 Chiếc/PCS	3.283.308	13.133.232	105196599320	1
15	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-MB BDL	Chín a	2022	4 Chiếc/PCS	3.283.308	13.133.232	105166267620	21
16	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Testing Fixture	Nd-MB BFT	Chín a	2023	1 Chiếc/PCS	2.901.528	2.901.528	105611071160	3
17	Thiết bị lắp ráp	M2-YH08	Chín a	2023	6 Chiếc/PCS	2.901.528	17.409.168	105677358400	49



	Assembl y Fixture				S				
18	Thiết bị điểm keo Dispensi ng Fixture	M2-DJ08	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	6.795.6 84	6.795.68 4	105677358 400	31
19	Bảng tải Assembl y of auxiliary Fixture	Gd-Ass-GD	Chín a	202 1	1 Chiếc/ PCS	2.112.5 16	2.112.51 6	103879510 820	4
20	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-Z01JP	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	3.283.3 08	3.283.30 8	105677358 400	9
21	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	MZ-ZBJ	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	3.512.3 76	3.512.37 6	105677358 400	12
22	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-ZZJP	Chín a	202 3	2 Chiếc/ PCS	3.283.3 08	6.566.61 6	105677358 400	13
23	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-ZQT	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	3.512.3 76	3.512.37 6	105745908 220	1
24	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	Gd-Ass-Y MIC	Chín a	202 0	1 Chiếc/ PCS	2.010.7 08	2.010.70 8	103819713 210	21
25	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-ZJ0T	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	2.977.8 84	2.977.88 4	105677358 400	29
26	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-QMX	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	2.825.1 72	2.825.17 2	105745908 220	2
27	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra Assembl y Fixture	M2-QMXY Q	Chín a	202 3	2 Chiếc/ PCS	1.399.8 60	2.799.72 0	105745908 220	4
28	Thiết bị lắp ráp Assembl y Fixture	M2-PIR IPX	Chín a	202 3	1 Chiếc/ PCS	3.970.5 12	3.970.51 2	105745908 220	3
Tổng giá trị/ Total:						335.177.388 VND			

Article 2. Điều khoản bàn giao/Handover terms

LISM

4/10

A20250123114425710

*3



- 2.1 Thời gian giao Thiết bị: Bên A phải bàn giao Thiết bị tại Điều 1 Hợp đồng này cho Bên B trước ngày 05/03/2025.
Delivery time: Party A must hand over Equipment stipulated in Article 1 of this Contract to Party B before March 05th, 2025.

- 2.2 Địa điểm giao Thiết bị: Bên A bàn giao Thiết bị và các chứng từ, tài liệu có liên quan cho Bên B hoặc người được chỉ định của Bên B:

☒ Theo điều kiện giao hàng: Incoterms 2010- DAP Bắc Giang

☐ Tại địa điểm theo chỉ định của Bên B: _____

☐ Khác: _____

Delivery Place: Party A shall hand over Equipment and relevant documents to Party B or its designated person:

☒ According to delivery condition: Incoterms 2010- DAP Bắc Giang

☐ At place designated by Party B: _____

☐ Other: _____

- 2.3 Bên A phải thực hiện việc ☐ lắp đặt, ☐ chạy thử Thiết bị cho Bên B tại ☐ địa điểm Bên B chỉ định/ ☐ _____ trước ngày _____.

Party A must perform ☐ installation, ☐ trial run of Equipment to Party B ☐ at place designated by Party B/ ☐ _____ no more than _____.

- 2.4 Nếu Thiết bị phải làm thủ tục hải quan, ☐ Bên A phải hoàn tất thủ tục hải quan và chịu toàn bộ chi phí phát sinh. ☒ Bên A phải hoàn tất thủ tục hải quan xuất khẩu, đồng thời phối hợp với Bên B hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu.

If Equipment must be gone through customs procedures, ☐ Party A must complete it and bear all costs incurred. ☒ Party A must complete export customs procedures and at the same time incorporate with Party B in completing import customs procedures.

Article 3. Điều khoản thanh toán/Payment terms

- 3.1 Tổng giá trị của Hợp đồng là 335.177.388 VND (bằng chữ: Ba trăm ba mươi lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi Việt Nam đồng). Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để Bên A thực hiện Hợp đồng này và ☐ chưa bao gồm thuế VAT ____% / ☒ đã bao gồm thuế VAT 0%.

Total value of the Contract is: 335,177,388 VND (In words: Three hundred thirty five million one hundred seventy seven thousand three hundred eighty eight Vietnamese dong). The Total value of the Contract includes all cost incurred for Party A to perform this Contract and

☐ excludes ____% VAT/ ☒ includes 0% VAT.

- 3.2 Phương thức thanh toán/Payment method:

☒ Bên B sẽ thanh toán cho Bên A Tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn hợp pháp, các tài liệu thanh toán hợp lệ và hoàn thành nghiệm thu Thiết bị.

Party B shall pay the Total value of the Contract to Party A within 90 (ninety) days since Party B receives legal invoice, valid payment documents and completes the acceptance of Equipment.

☐ Bên B sẽ thanh toán cho Bên A Tổng giá trị Hợp đồng trong vòng ____ (____) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Thiết bị, hóa đơn hợp pháp và các tài liệu thanh toán hợp lệ.

Party B shall pay the Total value of the Contract to Party A within ____ (____) days since Party B receives Equipment, legal invoice and valid payment documents

☐ _____

- 3.3 Trường hợp phát sinh tiền phạt vi phạm Hợp đồng, tiền bồi thường và các chi phí khác thì Bên B được khấu trừ vào số tiền phải thanh toán sau khi thông báo cho Bên A.

In case of arising penalties due to breach the Contract, compensation and other costs, Party B is entitled to deduct from payable amount after informing Party A.



3.4 Đồng tiền thanh toán/ Currency: ☒ Việt Nam Đồng/Vietnamese Dong / ☐ Đô-la Mỹ/
Dollar US / ☐

3.5 Hình thức thanh toán: chuyển khoản, phí chuyển khoản (nếu có) do Bên B chịu.
Payment method: Bank transfer, bank transfer fee (if any) shall be borne by Party B.

Thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A/ Information of Party A's account:

Chủ tài khoản/ Account holder: CÔNG TY TNHH FUHONG PRECISION COMPONENT
(BẮC GIANG)

Tên ngân hàng/ Name of bank: ngân hàng CITIBANK Việt Nam- chi nhánh Hà Nội/ CitiBank
Vietnam- Hà Nội Branch

Số tài khoản/ Account no: 0201028019

Article 4. Chất lượng Thiết bị/Equipment Quality

4.1 Bên B có quyền kiểm tra Thiết bị trước khi vận chuyển hoặc tại nơi để Thiết bị. Hạng mục kiểm tra bao gồm nhưng không giới hạn ở quy cách, tính năng, linh kiện, đóng gói, phương pháp sửa chữa.

Party B is entitled to inspect Equipment before delivering it or at the place for Equipment storage. Items of inspection include but are not limited to specifications, features, components, packaging, and repair methods.

4.2 Bên A đảm bảo Thiết bị bao gồm nhưng không giới hạn ở phần mềm, sách hướng dẫn, công nghệ:

Party A ensures Equipment includes but not limited to software, manuals and technology:

(1) Hoàn toàn phù hợp với thông tin mà các Bên đã thống nhất tại Điều 1 Hợp đồng này;

In accordance with information agreed by the Parties in Article 1 of this Contract;

(2) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A và không bị cầm giữ, thế chấp, cầm cố hoặc là đối tượng của các biện pháp bảo đảm khác;

Is under the lawful ownership of Party A and not held, mortgaged, pledged or object of other security measures;

(3) Phù hợp với những yêu cầu về bảo vệ môi trường, yêu cầu về các chất hạn chế và cấm sử dụng theo quy định pháp luật;

Is consistent with requirements of environmental protection and regulations on substances restricted or prohibited use under regulations of law;

(4) Không vi phạm quy định pháp luật có liên quan.

Does not violate relevant regulations of law;

4.3 Trong trường hợp Thiết bị còn thời hạn bảo hành theo quy định của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp Thiết bị cho Bên A, Bên A đảm bảo Bên B được hưởng chính sách bảo hành trong thời hạn còn lại.

In case Equipment is still in warranty period under provisions of manufacturer or equipment supplier to Party A, Party A ensures Party B is entitled to the warranty policy in the remaining period.

Article 5. Điều khoản về quyền sở hữu trí tuệ/Intellectual Property Rights

5.1 Bên A phải bảo vệ Bên B và doanh nghiệp có quan hệ liên quan với Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn người quản lý doanh nghiệp và nhân viên), người kế thừa, người được chuyển nhượng, người nhận thầu, người thuê hoặc khách hàng của Bên B, tránh bị tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và bí mật kinh doanh có liên quan đến Thiết bị dẫn đến các thiệt hại và phát sinh chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn phí luật sư). Nếu phát sinh một trong những sự việc trên, Bên A phải chịu mọi trách nhiệm.

Party A must protect Party B and enterprises related to Party B (including but not limited to managers and employees), heirs, transferees, contractors, lessees or customers of Party B avoid disputes about intellectual property rights and business secrets related to Equipment resulting damages and incurring costs (including but not limited to attorney fees). If one of the above arises, Party A must bear all responsibilities.

5.2 Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B và doanh nghiệp có quan hệ liên quan với Bên B sử dụng



miễn phí các phần mềm kèm theo của Thiết bị (nếu có) trong phạm vi toàn cầu theo phương thức không độc quyền, không hủy bỏ.

Party A agrees to authorize Party B and enterprises related to Party B to be allowed to use free of software attached to Equipment (if any) all over the world in non-monopoly and non-cancelled way.

- 5.3 Bên A đảm bảo Thiết bị không vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ. Trường hợp phần mềm có lỗi hoặc vi phạm về bản quyền, Bên A phải nhận được ủy quyền của bên có quyền để Bên B có thể tiếp tục sử dụng hợp pháp phần mềm, các văn bản và các tài liệu có liên quan theo Hợp đồng này.

Party A ensures that Equipment does not violate the law on intellectual property right. In case of software errors or copyright infringement, Party A must receive the authorization of holder in order that Party B can continue to use the software and documents related to this Contract.

Article 6. Điều khoản bảo mật/Confidentiality

- 6.1 Thông tin bảo mật của các Bên bao gồm nhưng không giới hạn bởi những thông tin, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật, các tin tức bảo mật dưới bất kỳ hình thức nào mang lại lợi ích kinh tế thực tế hoặc tiềm ẩn giá trị kinh tế của các Bên hoặc Bên thứ ba ủy quyền cho một Bên quản lý, như: kế hoạch sản xuất, Đơn đặt hàng, tài liệu nhân sự, thông tin khách hàng, thông tin tài chính và tin tức kinh doanh khác... theo thỏa thuận của Hợp đồng này, quy định của các Bên và pháp luật.

Confidential information of the Parties includes but not limited to information, business secrets according to regulations of law, confidential information in any form. That information brings actual or potential economic benefits of the Parties or third party authorizing to a Party to manage such as: production plans, Orders, personnel documents, customer information, financial information and other business informations,... according to the agreement of this Contract, the provisions of the Parties and the law.

- 6.2 Các Thông tin bảo mật của một Bên mà Bên kia có được hoặc được biết, chỉ giới hạn sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng này và không cấu thành ủy quyền, cho phép hoặc chuyển nhượng giữa các Bên.

Confidential information of a Party acquired or obtained by other Party related to this Contract shall only be used for the purpose of performing this Contract and not constitute the authorization, license or transfer between the Parties.

- 6.3 Các Bên sẽ thực hiện nghĩa vụ với đầy đủ sự chu đáo, sự hiểu biết, sự cẩn trọng và sự suy xét cần thiết để không tiết lộ, để tiết lộ các bí mật kinh doanh của Bên kia và áp dụng các biện pháp hợp lý để để phòng những người không được phép tiếp xúc với những bí mật kinh doanh này và để phòng bất cứ sự tiết lộ nào khi chưa được cho phép.

The Parties shall perform their obligations carefully with all diligence, knowledge, prudence and necessary considerations to not disclose, reveal other Party's business secrets, and apply reasonable measures to prevent those who are not allowed to contact with these business secrets and prevent any disclosure without permission.

- 6.4 Ngoài nhân viên của các Bên do thực hiện Hợp đồng này cần thiết phải biết thông tin bảo mật và phải ký Hợp đồng bảo mật với Bên đó, phạm vi bảo mật của Hợp đồng đó không được thấp hơn quy định bảo mật của Hợp đồng này, các Bên không được tiết lộ, bán giao hoặc bằng các cách khác tiết lộ những bí mật kinh doanh có được hoặc biết được từ Bên kia cho bất kỳ Bên thứ ba nào. Những bí mật kinh doanh không giới hạn ở hình thức văn bản.

Except the Parties' employees due to performance of this Contract, it is necessary for them to know confidential information and to sign a Confidentiality Agreement with such Party, the scope of that confidentiality Agreement must not be lower than the confidentiality provisions of this Contract. The Parties must not disclose, reveal, hand over or otherwise disclose the business secrets obtained or known from other Party to any third party. Business secrets are not limited to text form.

- 6.5 Sau khi Hợp đồng hết hạn, chấm dứt hoặc thanh lý thì các Bên vẫn phải chịu trách nhiệm với nghĩa vụ bảo mật đã quy định trong Hợp đồng này.



After the Contract expires, terminates or liquidates, the Parties are still responsible for the confidentiality obligations stipulated in this Contract.

Article 7. Quyền và nghĩa vụ của các Bên/Rights and Obligations of the Parties

- 7.1 Bên A phải bàn giao Thiết bị đúng địa điểm, thời hạn theo yêu cầu của Bên B.
Party A must hand over Equipment as time and place requested by Party B.
- 7.2 Bên A phải cung cấp đầy đủ hóa đơn hợp pháp và các chứng từ, tài liệu cần thiết cho việc thanh toán.
Party A must provide sufficient legal invoice and necessary documents for payment.
- 7.3 Bên A phải đảm bảo Thiết bị được thanh lý theo đúng quy định pháp luật và cung cấp cho Bên B toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Thiết bị theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật.
Party A must ensure Equipment liquidation as regulations of law and provide to Party B all records, documents related to Equipment according to provisions of this Contract and law.
- 7.4 Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo đúng quy định của Hợp đồng này.
Party B is obligated to pay to Party A accordance with provisions of this Contract.
- 7.5 Hai Bên có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật.
The Parties has other rights and obligations according to provisions of this Contract and law.

Article 8. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng/Responsibility for violating the Contract

- 8.1 Nếu Bên A không hoàn thành hoặc không thể hoàn thành giao Thiết bị theo đúng thời hạn quy định hoặc trong thời hạn mà Bên B chỉ định thì Bên B có quyền lựa chọn một hoặc đồng thời các biện pháp: (i) từ chối nhận Thiết bị; (ii) phạt vi phạm Hợp đồng bằng ☒ 8% / ☐ % giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm; (iii) yêu cầu Bên A bồi thường cố định bằng 2% giá trị Thiết bị nhân với số ngày giao chậm; (iv) yêu cầu Bên A bồi thường những thiệt hại và chi phí phát sinh; (v) đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng.
If Party A fails to complete or cannot complete the delivery of Equipment under stipulated term or during term designated by Party B, then Party B is entitled to choose one or simultaneously choose measures as follows: (i) refuse to receive Equipment, (ii) fine for breach of the Contract equal to ☒ 8% / ☐ % of the value of the breached contractual obligation portion, (iii) claim Party A to compensate equal to 2% of the Equipment value multiplied by the number of delayed days; (iv) claim Party A to compensate for damages and arising costs; (v) unilaterally terminate the Contract or cancel a part or all of the whole Contract.
- 8.2 Trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng này thì Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm và Bên bị vi phạm có quyền áp dụng các chế tài khác theo quy định của pháp luật.
In case a Party violates any obligations according to provisions of this Contract, the breaching Party must fine for breach of the Contract equal to 8% of the value of the breached contractual obligation portion and the violated Party is entitled to apply other sanctions in accordance with the law.

Article 9. Bất khả kháng/Force Majeure

- 9.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, thiên tai (động đất, bão, lũ...), hỏa hoạn, dịch bệnh, các thảm họa khác chưa lường hết được và quyết định có hiệu lực do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành...
Force majeure event is an event that happens in an objective, unpredictable and irreparable way despite applying of all necessary measures and capabilities such as: wars, natural disasters (earthquakes, storms, floods, ect.), fires, epidemics, other unpredictable disasters and effective decisions issued by competent authorities...
- 9.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải báo cho bên còn lại ngay trong ngày phát sinh sự kiện bất khả kháng, để giảm



thiếu tổn thất gây ra cho bên kia. Trong vòng 07(bảy) ngày, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải cung cấp giấy tờ của cơ quan liên quan chứng minh sự kiện bất khả kháng cho bên kia. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ tiến hành kịp thời các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

If a Party fails to complete its obligations due to Force Majeure event, which shall be not basis for other Party to terminate this Contract. However, the affected Party is obliged to notify other Party on the same day of Force Majeure in order to minimize damage caused to other Party. Within 07(seven) days, the affected Party must provide to other Party with documents of relevant agency proving Force Majeure event. The affected Party is obliged to perform promptly reasonable protective measures and alternative measures to minimize the impact caused by Force Majeure.

- 9.3 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có thể trì hoãn việc thực hiện, thực hiện một phần hoặc không thực hiện Hợp đồng, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế có thể miễn toàn bộ hoặc một phần trách nhiệm vi phạm. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 9.2 Điều này, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không thông báo hoặc không cung cấp được tài liệu liên quan, thì vẫn bị coi là vi phạm Hợp đồng và phải chịu trách nhiệm theo Hợp đồng này.

When Force Majeure event occurs, the affected Party shall suspend performance of this Contract, execute a part or not execute the entire Contract, at the same time waive all or a part of violated responsibility based on actual situation. In case overdue stated section 9.2 of this Contract, the affected Party fails to inform or fails to provide relevant documents, such Party shall be deemed to violate the Contract and bear liability in accordance with the provisions of this Contract.

- 9.4 Nếu bất kỳ sự kiện bất khả kháng nào tiếp diễn quá 03(ba) tháng, một trong hai Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này sau 05(năm) ngày kể từ ngày đưa ra thông báo bằng văn bản cho Bên kia.

If any Force Majeure event happens more than 03(three) months, either Party is entitled to terminate the Contract after 05(five) days from the date of sending written notice to other Party.

Article 10. Điều khoản chung/General Terms

- 10.1 Việc lập, hiệu lực, giải thích và thực hiện Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với các vấn đề phát sinh không được quy định trong Hợp đồng này thì áp dụng những quy định hiện hành của pháp luật và Điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Establishment, validity, interpretation and performance of this Contract shall be governed by law of the Socialist Republic of Vietnam. For arising issues not stipulated in this Contract, applicable law and relevant International Treaties signed and participated by Vietnam shall be applied.

- 10.2 Trừ khi hai Bên có những quy định khác, căn cứ vào những thông báo cần thiết của Hợp đồng này dùng các hình thức như điện thoại, Fax, thư điện tử, EDI hoặc đích thân gửi đến, có hiệu lực kể từ khi gửi đến. Thông báo dùng hình thức chuyển phát nhanh trong nước, vào ngày thứ hai kể từ ngày gửi được coi là đã gửi đến; Thông báo dùng hình thức gửi thường trong nước, sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi được coi là đã gửi đến; Thông báo dùng hình thức chuyển phát nhanh Quốc tế, sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi được coi là đã gửi đến.

Unless otherwise is agreed by the Parties, base on all necessary notices of this Contract shall be sent by telephone, fax, email, EDI or hand delivery, and shall become effective on the delivery date; if by domestic express mail, upon the second day after being sent or, if by domestic regular mail, upon the 03 (three) days after being sent, or if by International mail, upon 05 (five) days after being sent.

- 10.3 Các Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản và được đại diện hợp pháp của hai



Bên xác nhận.

The Parties commit to comply with the terms agreed in this Contract. Amendment or supplement in the Contract must be made in writing and confirmed by legal representatives of the Parties.

- 10.4 Việc một Bên bỏ qua vi phạm hoặc sự thiếu sót của Bên kia không có nghĩa là Bên vi phạm được miễn trừ các vi phạm sau này và không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào của Bên bị vi phạm.

A Party ignores other Party's violation or omission does not mean that breaching Party is exempt from violations in future and does not affect any interests of violated Party.

- 10.5 Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của một Bên, Bên kia không được chuyển nhượng bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ nào của mình trong Hợp đồng này cho bất kỳ Bên thứ ba nào. Without a Party's written consent, other Party is not allowed to assign any its rights, obligations in the Contract to any third party.

- 10.6 Nếu bất kỳ nội dung nào của Hợp đồng này trái quy định của pháp luật hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc không thể thực hiện vì bất cứ lý do gì, thì không ảnh hưởng đến hiệu lực, khả năng thực hiện của các nội dung còn lại trong Hợp đồng. Trong trường hợp đó, các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để sửa đổi hoặc đưa ra các nội dung thay thế khác phù hợp với mục đích của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

If any provision in this Contract is against regulations of laws or declared invalid or unenforceable for any reason by competent authorities, the validity and enforceability of the remaining provisions shall not in any way be affected. In such case, the Parties hereto shall negotiate through friendly spirit to modify or provide other replaced provision in accordance with the purpose of this Contract and regulations of laws.

- 10.7 Nếu Hợp đồng này xảy ra tranh chấp hoặc đưa ra yêu cầu do bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, phụ lục hoặc Đơn đặt hàng hoặc vi phạm Hợp đồng, hai Bên phải thông qua phương thức thương lượng, hoà giải để giải quyết. Nếu hai Bên không thể giải quyết được, thì tranh chấp này phải đưa ra ☐ Trung tâm Trọng tài _____ / ☒ Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

If any disputes arising from this Agreement or making claims due to any provisions of this Contract, Appendix or Order or breach of the Contract, the Parties shall settle through friendly negotiation. In case the Parties fail to settle through negotiation, the dispute shall be submitted to ☐ Arbitration Center _____ / ☒ competent Court for settlement according to regulations of law.

- 10.8 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nếu tại phần đầu của Hợp đồng này và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này.

The Contract comes into effect from the signing date stated in the first page of this Contract and is automatically liquidated when the Parties complete all their obligations stipulated in this Contract.

- 10.9 Hợp đồng thanh lý tài sản này được lập thành 04(bốn) bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi Bên A giữ 02(hai) bản, Bên B giữ 02(hai) bản, mỗi bản đều là bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp nội dung Hợp đồng này không thống nhất giữa hai ngôn ngữ thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

This Asset Liquidation Contract is made into 04(four) sets in Vietnamese and English languages, Party A keeps 02(two) set(s), Party B keeps 02(two) set(s), each of which is original sets and has same validity. In case the contents of the Contract have conflict between two languages, Vietnamese version shall be prevailed.



✓ ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A



CHỦ TỊCH KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
CHUANG TZU-YI

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B



HSIAO CHENG SHANG
GIÁM ĐỐC
XUẤT NHẬP KHẨU

LISM

10/10

A20250123114425710



'3

Handwritten signature.